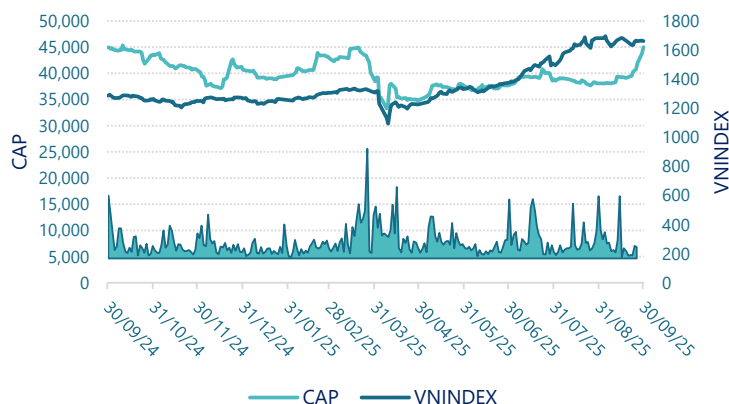


CTCP Lâm nông sản Thực phẩm Yên Bái (HNX: CAP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	45,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	45,353
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	33,300
SL cổ phiếu LH	15,269,965
KLGD BQ 20 phiên (CP)	29,525
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	687
P/E	13.8
EPS	3,260

DT thuần

Q3/25

181

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.0 | 9.2%

YoY: ▼ 54.0 | -22.9%

LN sau thuế

Q3/25

27.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.5 | 62.0%

YoY: ▲ 21.6 | 375%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

18.7%

+/- YoY: ▲ 14.6%

DT thuần

9T 2025

512

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 107 | 26.3%

LN sau thuế

9T 2025

44.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 27.1 | 158%

ROE

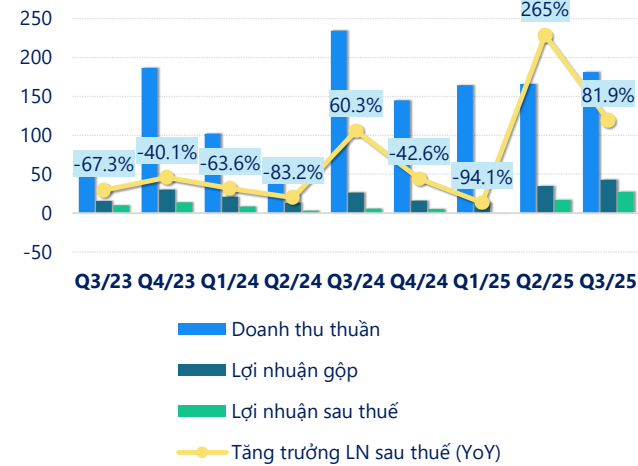
Q3/25

20.8%

+/- YoY: ▲ 8.6%

tỷ VNĐ

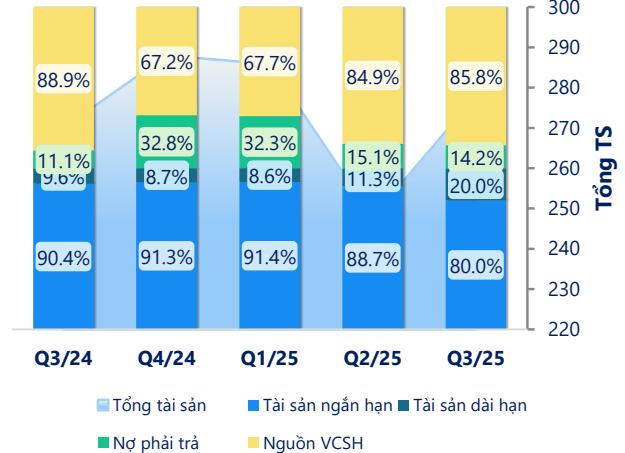
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

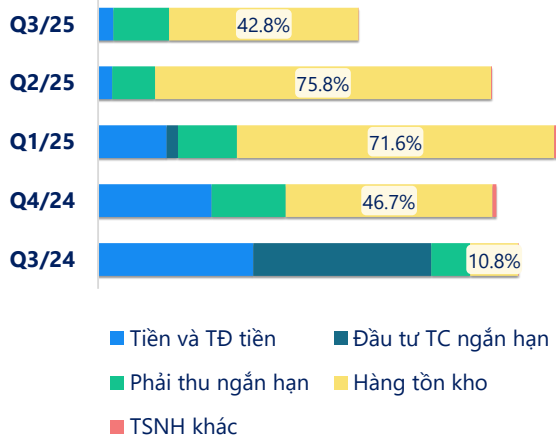
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



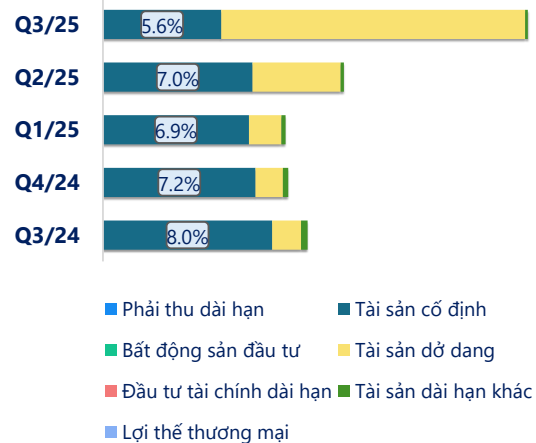
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

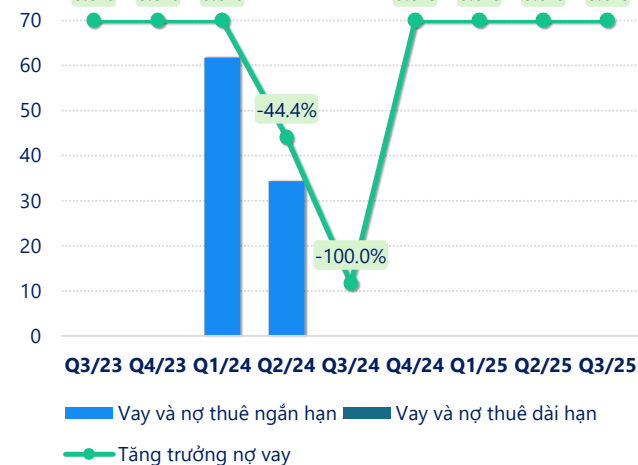
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

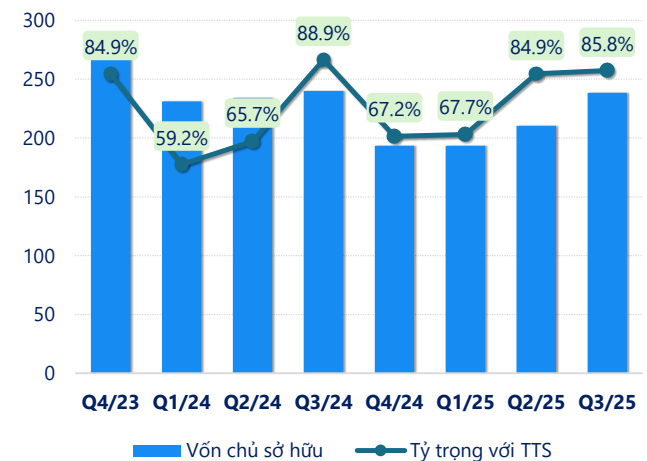
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

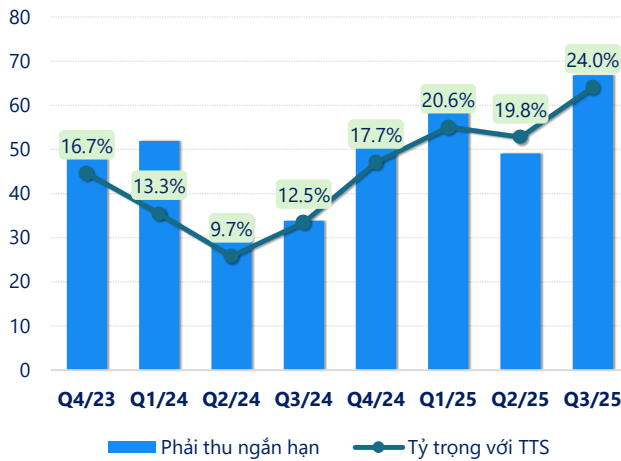
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


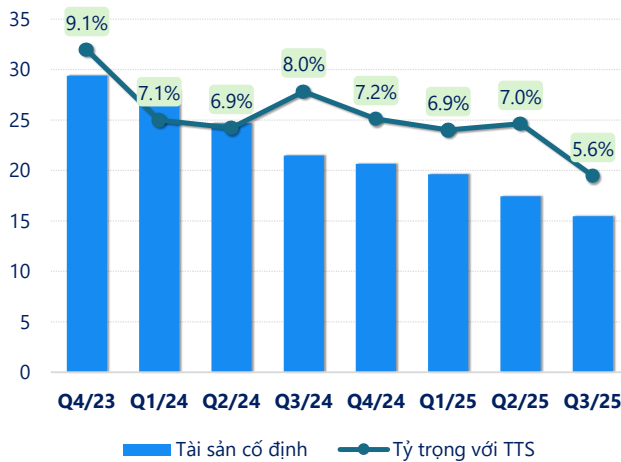
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

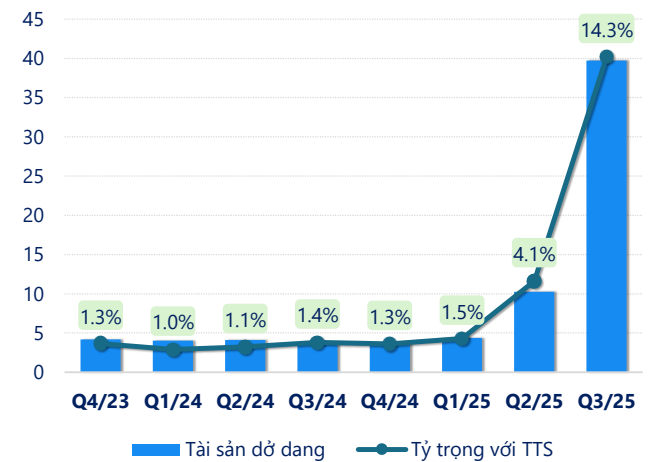

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

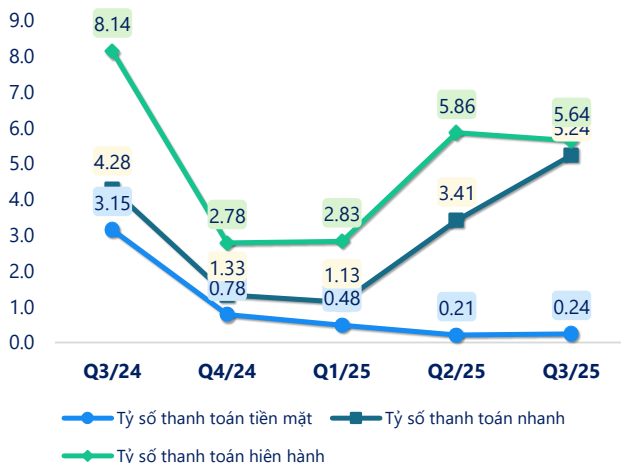
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

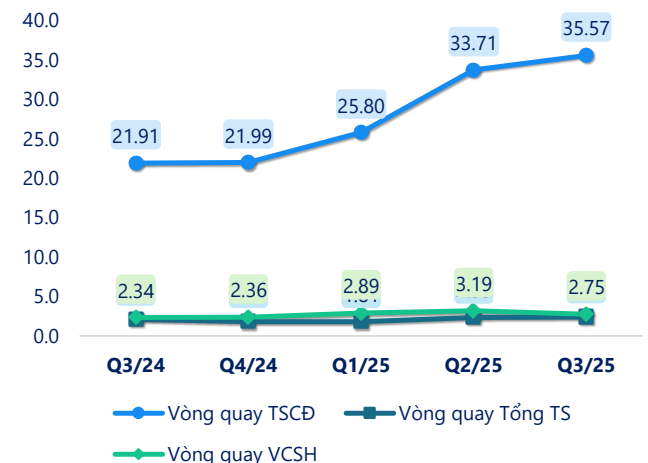
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	270	288	286	248	278
Tài sản ngắn hạn	244	263	261	220	222
Tiền và tương đương tiền	94.5	73.8	44.2	7.87	9.61
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	70.0	130
Phải thu ngắn hạn	33.9	50.8	59.0	49.1	66.8
Hàng tồn kho	116	137	157	91.9	15.9
Tài sản ngắn hạn khác	0.06	1.33	0.89	1.03	0.07
Tài sản dài hạn	26.0	25.1	24.5	28.1	55.5
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	21.5	20.7	19.6	17.4	15.5
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.65	3.71	4.37	10.2	39.7
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.86	0.70	0.55	0.39	0.33
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	30.0	94.5	92.3	37.5	39.5
Nợ ngắn hạn	30.0	94.4	92.3	37.5	39.4
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	11.0	22.5	15.7	11.1	16.7
Nợ dài hạn	0.03	0.03	0.03	0.03	0.03
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	240	194	194	210	238
Vốn chủ sở hữu	240	194	194	210	238
Vốn điều lệ	153	153	153	153	153
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)